

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 36

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 01 tháng 06 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng, phân bón, đầu tư tài chính và cho thuê mặt bằng.

Công ty có năm (5) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Lâm Đồng, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Tỉnh An Giang và Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Đức Thành	Chủ tịch	
Bà Đặng Bích Hồng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Huây	Thành viên	từ nhiệm ngày 9 tháng 1 năm 2021
Bà Lâm Thị Diệu Hương	Thành viên	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hàng Nhật Quang	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2021
Ông Đỗ Khánh Vinh	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Minh Cường	Thành viên	bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2021
Ông Trần Công Lộc	Thành viên	

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Bích Hồng	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2021
Ông Đặng Đức Thành	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Công Thành	Phó Tổng Giám đốc	

### TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là:

Bà Đặng Bích Hồng	Tổng Giám đốc	từ ngày 5 tháng 4 năm 2021
Ông Đặng Đức Thành	Tổng Giám đốc	đến ngày 5 tháng 4 năm 2021

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán của Nhóm Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. *[Signature]*

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Bích Hồng  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 10 năm 2021

Số tham chiếu: 61656017/22692763/Q2-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập Ngày 22 tháng 10 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 chưa được kiểm toán.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trần Nam Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 3021-2019-004-1

Phạm Xuân Tuân  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 4639-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 10 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 06 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>217.626.630.235</b>	<b>95.043.945.077</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>5</b>	<b>44.122.327.879</b>	<b>28.847.763.880</b>
111	1. Tiền		44.122.327.879	28.847.763.880
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>55.015.000.000</b>	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	5.018.120.000	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(3.120.000)	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	50.000.000.000	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>113.408.872.455</b>	<b>55.572.399.814</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	41.107.917.058	6.977.163.798
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	1.351.302.632	1.293.277.766
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	40.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	31.240.978.778	47.593.284.263
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(291.326.013)	(291.326.013)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>11</b>	<b>4.686.001.989</b>	<b>10.469.905.128</b>
141	1. Hàng tồn kho		4.686.001.989	10.469.905.128
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>394.427.912</b>	<b>153.876.255</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	61.112.279	124.238.843
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	330.315.633	28.637.412
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.000.000	1.000.000
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>227.068.341.302</b>	<b>79.741.461.568</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>643.250.000</b>	<b>643.250.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	10	643.250.000	753.250.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	(110.000.000)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>12.067.368.630</b>	<b>18.283.392.895</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	9.309.764.306	15.495.790.491
222	Nguyên giá		9.870.500.000	19.677.001.455
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(560.735.694)	(4.181.210.964)
227	2. Tài sản vô hình	13	2.757.604.324	2.787.602.404
228	Nguyên giá		2.999.808.000	2.999.808.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(242.203.676)	(212.205.596)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>14</b>	<b>60.541.708.346</b>	<b>40.729.333.344</b>
231	1. Nguyên giá		62.300.000.000	42.210.000.000
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.758.291.654)	(1.480.666.656)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>97.133.302</b>	<b>19.697.133.302</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		97.133.302	19.697.133.302
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>153.089.663.478</b>	-
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	16.1	88.179.663.478	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16.2	64.910.000.000	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>629.217.546</b>	<b>388.352.026</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	629.217.546	261.352.032
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	-	1.711.219
269	3. Lợi thế thương mại	20	-	125.288.775
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>444.694.971.537</b>	<b>174.785.406.644</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>31.097.843.908</b>	<b>24.755.996.271</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>31.005.343.908</b>	<b>9.099.596.271</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	17.975.364.000	-
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	6.555.315.560	1.866.997.928
314	3. Phải trả người lao động		267.087.111	14.093.100
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		160.000.000	46.740.658
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	84.909.091
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	6.047.577.237	29.586.528
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	7.057.268.966
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>92.500.000</b>	<b>15.656.400.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		92.500.000	334.800.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	15.321.600.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>413.597.127.629</b>	<b>150.029.410.373</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>413.597.127.629</b>	<b>150.029.410.373</b>
411	1. Vốn cổ phần		320.000.000.000	120.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		320.000.000.000	120.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		40.000.000.000	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		42.210.509.375	17.822.041.526
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		17.822.041.526	7.753.153.718
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		24.388.467.849	10.068.887.808
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21.5	11.386.618.254	12.207.368.847
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>444.694.971.537</b>	<b>174.785.406.644</b>



Nguyễn Quốc Việt  
Người lập và Kế toán trưởng

  
Đặng Bích Hồng  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 10 năm 2021



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	255.208.055.659	8.987.835.076
11	2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	23	(239.963.302.662)	(8.328.141.269)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.244.752.997	659.693.807
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	24.626.167.818	2.701.735.782
22	5. Chi phí tài chính	24	(876.076.507)	(1.103.332.726)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(156.410.058)	(901.065.135)
24	6. Phần lỗ trong công ty liên kết		(70.336.522)	
25	6. Chi phí bán hàng	25	(1.034.524.508)	(805.179.750)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(4.822.490.582)	(2.627.923.138)
30	8. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		33.067.492.696	(1.175.006.025)
31	9. Thu nhập khác		42.600.000	121.600.040
32	10. Chi phí khác	26	(520.573.790)	(190.261.774)
40	11. Lỗ khác		(477.973.790)	(68.661.734)
50	12. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		32.589.518.906	(1.243.667.759)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(6.755.283.117)	-
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28.3	(1.711.219)	-
60	15. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		25.832.524.570	(1.243.667.759)
61	16. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông công ty mẹ		24.388.467.849	(1.241.655.591)
62	17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21.5	1.444.056.721	(2.012.168)
70	18. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	21.4	675	(103)
71	19. Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	21.4	675	(103)

Nguyễn Quốc Việt  
Người lập và Kế toán trưởng

Đặng Bích Hồng  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 10 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế</b>		<b>32.589.518.906</b>	<b>(1.240.823.630)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	12, 13, 14, 20	865.260.268	856.157.061
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(18.581.488.756)	(1.577.154)
06	Chi phí lãi vay	24	156.410.058	901.065.135
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>15.029.700.476</b>	<b>514.821.412</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(27.292.150.280)	(255.646.457)
10	Tăng hàng tồn kho		(742.470.469)	(947.684.937)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		23.868.419.426	(762.986.805)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(317.842.694)	7.570.974.273
13	(Tăng) giảm chứng khoán kinh doanh		(5.015.000.000)	790.400.000
14	Tiền lãi vay đã trả		(156.410.058)	(901.065.135)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(1.974.065.040)	-
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>3.400.181.361</b>	<b>6.008.812.351</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(3.828.000.000)	(246.464.647)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(90.000.000.000)	-
25	Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác		(153.019.326.956)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư vào đơn vị khác		30.099.839.270	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		1.000.699.318	1.577.154
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(215.746.788.368)</b>	<b>(244.887.493)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	21	250.000.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay		-	1.463.121.827
34	Tiền trả nợ gốc vay		(22.378.868.966)	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>227.621.131.034</b>	<b>1.463.121.827</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		15.274.524.027	7.227.046.685
60	Tiền đầu kỳ		28.847.763.880	5.889.676.307
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		39.972	-
70	Tiền cuối kỳ	5	44.122.327.879	13.116.722.992



Nguyễn Quốc Việt  
Người lập và Kế toán trưởng



Đặng Bích Hồng  
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 10 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+ ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1301009978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 01 tháng 06 năm 2016 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Lô AIV-1, Khu công nghiệp Giao Long giai đoạn 2, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là kinh doanh sản phẩm thực phẩm chức năng, phân bón, đầu tư tài chính và cho thuê mặt bằng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 là: 42 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 37).

***Cơ cấu tổ chức***

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Nhóm Công ty có một công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty:

Công ty Cổ phần Organic Tiến Thịnh ("Organic Tiến Thịnh") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0316756875 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2021 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Organic Tiến Thịnh có trụ sở chính đăng ký tại 73-75 Trần Trọng Cung, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Organic Tiến Thịnh là bán buôn chuyên doanh khác.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty nắm 85,7% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty con này.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

##### Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 40 năm
Máy móc thiết bị	10 năm
Phương tiện vận tải	10 năm

#### 3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.10 Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của các chi phí đó tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**3.12 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Nhóm Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa

30 - 50 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 *Bất động sản đầu tư* (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

#### 3.13 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.14 *Lãi (lỗ) trên cổ phiếu*

Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

##### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.16 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn lại khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn lại trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. GIAO DỊCH CHUYÊN NHƯỢNG VÀ MẤT QUYỀN KIỂM SOÁT TRONG CÔNG TY CON TRONG KỲ**

***Thanh lý Công ty Cổ phần Linh Chi Vina (“Linh Chi Vina”)***

Vào ngày 18 tháng 6 năm 2021, Nhóm Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu của Nhóm Công ty trong Linh Chi Vina cho nhà đầu tư khác theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 30/2021/Green+/BBH-HĐQT ngày 18 tháng 6 năm 2021 với tổng giá trị là 36.000.000.000 VND. Theo đó, Công ty hiện không còn nắm quyền sở hữu trong Linh Chi Vina sau ngày 18 tháng 6 năm 2021. Khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này là 17.510.452.916 VND đã được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền gửi ngân hàng	44.111.679.703	28.718.450.829
Tiền mặt	10.648.176	129.313.051
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>44.122.327.879</b>	<b>28.847.763.880</b>

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**6.1 Chứng khoán kinh doanh**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	2.099.000.000	2.167.500.000	-	-	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	921.000.000	921.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần DRH Holdings	316.620.000	313.500.000	(3.120.000)	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.018.120.000</b>	<b>5.130.000.000</b>	<b>(3.120.000)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền gửi có kỳ hạn	50.000.000.000	-

Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây có kỳ hạn gốc là mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất là 4,7%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu từ khách hàng khác	41.107.917.058	6.950.305.098
<i>Công ty TNHH Phân Bón Hưng Phú</i>	18.459.955.960	-
<i>Ông Phạm Quốc Cường</i>	17.000.000.000	-
<i>Ông Nguyễn Khắc Ghi</i>	3.201.930.000	1.100.760.000
<i>Bà Lâm Thị Bích Trâm</i>	1.005.717.730	3.145.410.000
<i>Ông Mã Thành Đạt</i>	895.840.000	1.912.412.730
<i>Khác</i>	544.473.368	791.722.368
Phải thu từ bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 29</i> )	-	26.858.700
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>41.107.917.058</b>	<b>6.977.163.798</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(291.326.013)	(291.326.013)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>40.816.591.045</b>	<b>6.685.837.785</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	291.326.013	-
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	291.326.013	-

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty Xây dựng Ngân Tháp	1.100.000.000	1.100.000.000
Khác	251.302.632	193.277.766
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.351.302.632</b>	<b>1.293.277.766</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty Cổ phần Đầu tư Học viện Khởi nghiệp Thành Công	40.000.000.000	-

Đây là khoản cho vay tín chấp đáo hạn vào ngày 21 tháng 6 năm 2022 và hưởng lãi suất 1%/năm.

**10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>	<b>31.240.978.778</b>	<b>47.593.284.263</b>
Phải thu từ bên khác	31.232.960.598	47.593.284.263
Ông Nguyễn Văn Lai	24.109.000.000	-
Tạm ứng nhân viên	5.200.063.750	4.249.470.000
Lãi tiền gửi	979.166.665	-
Chi trả hộ	441.290.263	441.290.263
Khác	512.439.920	42.902.524.000
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 29)	8.018.180	-
<b>Dài hạn</b>	<b>643.250.000</b>	<b>753.250.000</b>
Ký quỹ ký cược	643.250.000	643.250.000
Khác	-	110.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.884.228.778</b>	<b>48.346.534.263</b>

**11. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Hàng hóa	4.427.748.174	6.161.714.976
Hàng gửi đi bán	226.217.612	144.961.478
Công cụ dụng cụ	32.036.203	32.036.203
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	2.528.970.406
Thành phẩm	-	1.602.222.065
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.686.001.989</b>	<b>10.469.905.128</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	18.014.500.000	376.828.000	1.285.673.455	19.677.001.455
Mua trong kỳ	-	-	3.338.000.000	3.338.000.000
Giảm do thanh lý công ty con	(11.482.000.000)	(376.828.000)	(1.285.673.455)	(13.144.501.455)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	6.532.500.000	-	3.338.000.000	9.870.500.000
<b>Trong đó:</b>				
Đã khấu hao hết	-	-	-	-
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	(3.213.033.336)	(133.333.320)	(834.844.308)	(4.181.210.964)
Khấu hao trong kỳ	(404.584.471)	(18.410.957)	(101.689.097)	(524.684.526)
Giảm do thanh lý công ty con	3.100.461.557	151.744.277	892.953.961	4.145.159.795
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	(517.156.250)	-	(43.579.444)	(560.735.694)
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	14.801.466.664	243.494.680	450.829.147	15.495.790.491
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	6.015.343.750	-	3.294.420.556	9.309.764.306

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>VND</i> <i>Quyền sử dụng đất</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>2.999.808.000</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	(212.205.596)
Hao mòn trong kỳ	<u>(29.998.080)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>(242.203.676)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>2.787.602.404</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>2.757.604.324</u>

**14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	20.000.000.000	22.210.000.000	42.210.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	<u>20.090.000.000</u>	-	<u>20.090.000.000</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>40.090.000.000</u>	<u>22.210.000.000</u>	<u>62.300.000.000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	-	(1.480.666.656)	(1.480.666.656)
Hao mòn trong kỳ	-	<u>(277.624.998)</u>	<u>(277.624.998)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	-	<u>(1.758.291.654)</u>	<u>(1.758.291.654)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>20.000.000.000</u>	<u>20.729.333.344</u>	<u>40.729.333.344</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>40.090.000.000</u>	<u>20.451.708.346</u>	<u>60.541.708.346</u>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2021. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế và giá thị trường của các khu đất liền kề, Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty tin tưởng rằng giá trị thị trường của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>	<b>61.112.279</b>	<b>124.238.843</b>
Khác	61.112.279	124.238.843
<b>Dài hạn</b>	<b>629.217.546</b>	<b>261.352.032</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	236.372.004	-
Công thức nước dừa sâm	155.555.556	155.555.556
Chi phí bảo hiểm	105.963.870	-
Khác	131.326.116	105.796.476
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>690.329.825</b>	<b>385.590.875</b>

**16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đầu tư vào công ty liên kết ( <i>Thuyết minh 16.1</i> )	88.179.663.478	-
Đầu tư vào đơn vị khác ( <i>Thuyết minh 16.2</i> )	64.910.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>153.089.663.478</b>	<b>-</b>



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 16.1 Đầu tư vào công ty liên kết

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020		VND
	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Dự phòng	
Công ty Cổ phần Quản lý Nhà thuốc và Phòng khám Green+ (i)	35	69.952.878.481	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đồng Khởi (ii)	36,5	18.226.784.997	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>88.179.663.478</b>			

(i) Công ty Cổ phần Quản lý Nhà thuốc và Phòng khám Green+ ("Nhà thuốc và Phòng khám Green+") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 1301104678 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 30 tháng 3 năm 2021 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Nhà thuốc và Phòng khám Green+ có trụ sở chính đăng ký tại thửa đất số 318, tờ bản đồ số 21, Ấp Phú Chiến, Xã Phú Hưng, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre. Hoạt động chính của Nhà thuốc và Phòng khám Green+ là giao dịch và tiếp thị thuốc.

(ii) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đồng Khởi ("Đồng Khởi") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 1301098657 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 16 tháng 10 năm 2020 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Đồng Khởi có trụ sở chính đăng ký tại thửa đất số 721, tờ bản đồ số 25, Ấp Quới Hưng, Xã Quới Sơn, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre. Hoạt động chính của Đồng Khởi là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 16.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

	Công ty Cổ phần Quản lý Nhà thuốc và Phòng khám Green+	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đồng Khởi	VND Tổng Cộng
<b>Giá gốc đầu tư:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	70.000.000.000	18.250.000.000	88.250.000.000
<b>Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	-	-	-
Phần lỗ từ công ty liên kết trong kỳ	(47.121.519)	(23.215.003)	(70.336.522)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	(47.121.519)	(23.215.003)	(70.336.522)
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	69.952.878.481	18.226.784.997	88.179.663.478

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 16.2 Đầu tư vào đơn vị khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021			Ngày 31 tháng 12 năm 2020			VND
	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư VND	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư	Dự phòng	
Công ty Cổ phần Đầu tư Học viện Khởi nghiệp Thành Công (i)	19,3	29.000.000.000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dream House (ii)	19	22.800.000.000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Green Portal (iii)	19	13.110.000.000	-	-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>64.910.000.000</b>					

(i) Công ty Cổ phần Đầu tư Học viện Khởi nghiệp Thành Công ("Học viện Khởi nghiệp Thành Công") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 130105449 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 5 năm 2018 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Học viện Khởi nghiệp Thành Công có trụ sở chính đăng ký tại 100D Hùng Vương, Khu phố 4, Phường 5, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre. Hoạt động chính của Học viện Khởi nghiệp Thành Công là cho thuê tài chính.

(ii) Công ty Cổ phần Thương mại Dream House ("Dream House") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0302073325 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 8 năm 2000 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Dream House có trụ sở chính đăng ký tại 73-75 Trần Trọng Cung, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Dream House là bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

(iii) Công ty Cổ phần Green Portal ("Green Portal") là một công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0315525794 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 3 năm 2019 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Green Portal có trụ sở chính đăng ký tại 259A Trần Xuân Soạn, Phường Tân Kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Green Portal là cung cấp thông tin điện tử trực tuyến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tăng trong năm	Giảm do chuyển nhượng công ty con	Giảm trong năm	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Phải trả</b>					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.673.337.420	6.755.283.117	(35.171.422)	(1.974.065.040)	6.419.384.075
Thuế giá trị gia tăng	159.852.311	384.547.625	-	(544.399.936)	-
Thuế thu nhập cá nhân	33.808.197	150.348.196	576.337	(48.801.245)	135.931.485
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.866.997.928</b>	<b>7.290.178.938</b>	<b>(34.595.085)</b>	<b>(2.567.266.221)</b>	<b>6.555.315.560</b>
<b>Phải thu</b>					
Thuế giá trị gia tăng	28.637.412	507.202.795	-	(205.524.574)	330.315.633
Thuế khác	1.000.000	3.727.620	(1.727.620)	-	3.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>29.637.412</b>	<b>510.930.415</b>	<b>(1.727.620)</b>	<b>(205.524.574)</b>	<b>333.315.633</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Công ty TNHH Vật tư nông nghiệp Hưng Thạnh	17.780.000.000	-
Công ty Cổ phần Linh Chi Vina	195.364.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17.975.364.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

**19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Linh Chi Vina	6.000.000.000	-
Khác	47.577.237	29.586.528
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.047.577.237</u></b>	<b><u>29.586.528</u></b>

**20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	VND	
<b>Nguyên giá:</b>		
Ngày 31 tháng 12 năm 2020		357.967.930
Giảm do thanh lý		<u>(357.967.930)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2021		-
<b>Giá trị phân bổ lũy kế:</b>		
Ngày 31 tháng 12 năm 2020		(232.679.155)
Phân bổ trong kỳ		(32.952.664)
Giảm do thanh lý		<u>265.631.819</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2021		-
<b>Giá trị còn lại:</b>		
Ngày 31 tháng 12 năm 2020		<u>125.288.775</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2021		<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	120.000.000.000	-	7.753.153.718	127.753.153.718
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	(1.224.750.921)	(1.224.750.921)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>120.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>6.528.402.797</u>	<u>126.528.402.797</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	120.000.000.000	-	17.822.041.526	137.822.041.526
Phát hành cổ phần (*)	200.000.000.000	40.000.000.000	-	240.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	24.388.467.849	24.388.467.849
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>320.000.000.000</u>	<u>40.000.000.000</u>	<u>42.210.509.375</u>	<u>402.210.509.375</u>

(\*) Vào ngày 28 tháng 12 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 09/BB-TDX, phê duyệt kế hoạch phát hành thêm 3.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tương đương giá trị là 30.000.000.000 VND, giá phát hành là 12.000 VND/cổ phiếu, để tăng vốn điều lệ Công ty lên 150.000.000.000 VND. Việc tăng vốn này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bến Tre phê duyệt thông qua GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 5 vào ngày 19 tháng 1 năm 2021. Cũng tại ngày này, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu Tư Thảo Dược Xanh thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Green+.

Vào ngày 1 tháng 2 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 11/QĐ-GREEN+, phê duyệt kế hoạch phát hành thêm 11.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tương đương giá trị là 110.000.000.000 VND, giá phát hành là 12.000 VND/cổ phiếu, để tăng vốn điều lệ Công ty lên 260.000.000.000 VND. Việc tăng vốn này đã được SKHĐT Tỉnh Bến Tre phê duyệt thông qua GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 7 vào ngày 8 tháng 2 năm 2021.

Vào ngày 11 tháng 3 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 15/QĐ-GREEN+, phê duyệt kế hoạch phát hành thêm 6.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tương đương giá trị là 60.000.000.000 VND, giá phát hành là 12.000 VND/cổ phiếu, để tăng vốn điều lệ Công ty lên 320.000.000.000 VND. Việc tăng vốn này đã được SKHĐT Tỉnh Bến Tre phê duyệt thông qua GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 8 vào ngày 12 tháng 3 năm 2021.

Việc phát hành cổ phiếu trên đã được hoàn thành vào ngày 9 tháng 4 năm 2021, với tổng số cổ phiếu phổ thông mới được phát hành cho các nhà đầu tư là 200.000.000 cổ phiếu với mệnh giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 120.000.000.000 VND lên 320.000.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Chi tiết vốn cổ phần**

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</u>	
	Số lượng cổ phần	% sở hữu	Số lượng cổ phần	% sở hữu
Ông Đặng Đức Thành	11.693.000	36,54	3.193.000	26,61
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	6.000.000	18,75	-	-
Các cổ đông khác	14.307.000	44,71	8.807.000	73,39
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.000.000</b>	<b>100</b>	<b>12.000.000</b>	<b>100</b>

**21.3 Cổ phiếu**

	VND	
	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</u>
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>32.000.000</b>	<b>12.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>32.000.000</b>	<b>12.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	32.000.000	12.000.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>32.000.000</b>	<b>12.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	32.000.000	12.000.000
Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2020: 10.000 VND/cổ phiếu).		

**21.4 Lãi trên cổ phiếu**

	VND	
	<u>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</u>	<u>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</u>
Lãi (lỗ) thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	<u>24.388.467.849</u>	<u>(1.241.655.591)</u>
Lãi (lỗ) thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	24.388.467.849	(1.241.655.591)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	<u>36.127.778</u>	<u>12.000.000</u>
<b>Lãi (lỗ) cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>675</b>	<b>(103)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.5 Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Số đầu kỳ	12.207.368.847	12.190.488.893
Lợi nhuận (lỗ) trong kỳ	1.444.056.721	(2.012.168)
Thanh lý công ty con	(12.264.807.314)	-
Mua mới công ty con	10.000.000.000	-
Số cuối kỳ	<b><u>11.386.618.254</u></b>	<b><u>12.188.476.725</u></b>

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
		VND
Doanh thu bán hàng	254.737.489.468	1.211.325.252
Doanh thu cho thuê mặt bằng	470.566.191	796.696.189
Doanh thu nhượng quyền thuê sạp	-	6.979.813.635
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>255.208.055.659</u></b>	<b><u>8.987.835.076</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên khác</i>	<i>255.194.976.932</i>	<i>8.848.519.622</i>
<i>Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>13.078.727</i>	<i>139.315.454</i>

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
		VND
Lãi chuyển nhượng cổ phần	23.625.467.084	2.700.000.000
Lãi tiền gửi	1.000.699.318	1.735.782
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.416	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>24.626.167.818</u></b>	<b><u>2.701.735.782</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Giá vốn hàng bán	239.677.395.928	507.882.665
Giá vốn cho thuê mặt bằng	-	414.350.762
Giá vốn nhượng quyền thuê sạp	285.906.734	7.405.907.842
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>239.963.302.662</u></b>	<b><u>8.328.141.269</u></b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Lỗ chuyển nhượng cổ phần	665.528.050	180.500.000
Chi phí lãi vay	156.410.058	901.065.135
Lỗ chênh lệch tỷ giá	54.138.399	21.767.591
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>876.076.507</u></b>	<b><u>1.103.332.726</u></b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>1.034.524.508</b>	<b>805.179.750</b>
Chi phí hội thảo	401.056.585	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	384.764.873	463.783.254
Chi phí tiếp thị	96.954.545	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.187.954	8.187.954
Chi phí bằng tiền khác	143.560.551	333.208.542
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>4.822.490.582</b>	<b>2.627.923.138</b>
Chi phí nhân viên quản lý	2.569.800.175	1.987.410.376
Chi phí dịch vụ mua ngoài	700.214.432	121.988.861
Chi phí ủng hộ phòng chống dịch Covid	692.750.000	-
Chi phí công cụ dụng cụ	214.762.426	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	213.125.474	136.593.366
Chi phí bằng tiền khác	431.838.075	381.930.535
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.857.015.090</u></b>	<b><u>3.433.102.888</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí tài trợ	375.011.000	-
Khấu hao tài sản ngưng hoạt động	29.998.080	29.998.080
Khác	115.564.710	160.263.694
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>520.573.790</u></b>	<b><u>190.261.774</u></b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa	239.675.191.580	734.087.510
Chi phí nhân công	2.569.800.175	2.401.431.235
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.624.697.891	593.530.102
Chi phí khấu hao tài sản cố định	465.985.762	8.099.836.496
Khác	1.451.689.680	738.412.021
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>245.787.365.088</u></b>	<b><u>12.567.297.364</u></b>

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**28.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí thuế TNDN năm nay	6.755.283.117	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.711.219	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.756.994.336</u></b>	<b><u>-</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**28.1 Chi phí thuế TNDN** (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
<b>Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>32.589.518.906</b>	<b>(1.240.823.630)</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	6.517.903.781	(248.164.726)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	225.023.251	26.886.873
Lỗ trong công ty liên kết	12.788.797	-
Lỗ chưa tính thuế hoãn lại	-	221.277.853
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>6.756.994.336</b>	<b>-</b>

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo hợp nhất kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**28.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty và công ty con đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Lãi chưa thực hiện	-	1.711.219	(1.711.219)	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>1.711.219</b>		
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>(1.711.219)</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty Cổ phần Quản lý và Kinh doanh chợ Nông sản Thủ Đức	Cổ đông đến ngày 8 tháng 4 năm 2021	Nhượng quyền thuê ô vựa	-	6.979.813.635
		Cung cấp dịch vụ	-	139.315.454
Ông Đặng Đức Thành	Chủ tịch HĐQT	Nhận vốn góp	58.800.000.000	-
		Chi hộ	73.800.000	-
Bà Đặng Bích Vân	Cổ đông	Nhận vốn góp	39.000.000.000	-
		Bán hàng hóa	13.078.727	-
Bà Đặng Bích Hồng	Cổ đông	Tạm ứng	18.000.000.000	-
		Hoàn tạm ứng	18.000.000.000	-
Nhà thuốc và Phòng khám Green+	Công ty liên kết	Góp vốn	70.000.000.000	-
Đồng Khởi	Công ty liên kết	Góp vốn	18.250.000.000	-
Học viện Khởi nghiệp Thành Công	Đầu tư khác	Góp vốn	29.000.000.000	-
Dream House	Đầu tư khác	Góp vốn	22.800.000.000	-
Green Portal	Đầu tư khác	Góp vốn	13.110.000.000	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Ông Đặng Đức Thành	Cổ đông	Chi hộ	4.583.333	-
Ông Lê Đình Phong	Cổ đông	Chi hộ	2.059.847	-
Bà Đặng Thị Bích Hồng	Cổ đông	Chi hộ	1.375.000	-
			<b>8.018.180</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và năm 2020 như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Thù lao, thưởng của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	<u>1.038.052.500</u>	<u>874.425.000</u>

**30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Đến 1 năm	377.000.000	492.000.000
Từ 1 – 5 năm	<u>144.000.000</u>	<u>275.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>521.000.000</u></b>	<b><u>767.000.000</u></b>

**31. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	347,61	354,21

**32. CÁC TRÌNH BÀY KHÁC CẦN THIẾT VỚI CÔNG TY**

***Đại dịch Covid-19***

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Nguyễn Quốc Việt  
Người lập và Kế toán trưởng



Ngày 22 tháng 10 năm 2021